TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U** **TỈNH C**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2025/HNGĐ-ST
Ngày 21-3-2025
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U, TỈNH C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Việt Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trịnh Ngọc Dung;

Ông Trịnh Hữu Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Gia Mẫn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh C.

Ngày 21 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2025 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Tuyết B, sinh ngày 24/9/1996.

Địa chỉ: Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Ý N, sinh ngày 15/4/1993.

Địa chỉ: Ấp G, xã N, huyện U, tỉnh Cà Mau.

(Bà B có mặt, ông N vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 03 tháng 01 năm 2025 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Huỳnh Tuyết B trình bày: Năm 2018 được sự đồng ý của hai bên gia đình nên bà và ông Nguyễn Ý N tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau vào năm 2019. Vợ chồng chung sống có một con chung. Thời gian đây vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong sinh hoạt hàng ngày, không có tiếng nói chung không có sự quan tâm, chia sẻ và tôn trọng, nhường nhịn nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng gay gắt và trầm trọng không thể hàn gắn được nên vợ chồng đã không còn chung sống từ tháng 8 năm 2024 cho đến nay.

Nay bà và ông Nguyễn Ý N không còn tình cảm, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Ý N.

-Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Huỳnh Ánh K, sinh ngày 19/10/2021, hiện nay bà đang nuôi con. Sau khi vợ chồng ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con vì con còn nhỏ rất cần chăm sóc của người mẹ và bà yêu cầu ông Nguyễn Ý N có trách nhiệm dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu Tòa giải quyết.

- Tại đơn yêu cầu giải quyết sớm ngày 21/01/2025, bị đơn ông Nguyễn Ý N trình bày: Tôi nhận được thông báo 01/2025/TB-TA của Tòa án nhân dân huyện U Minh ngày 07 tháng 01 năm 2025 về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Trong thông báo đến ngày 04/02/2025 tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Do tôi bận công việc phải đi học Bác sỹ ở đại học Y nên tôi không thể dự phiên họp ngày 04/02/2025, nên tôi đề nghị Tòa án nhân dân huyện U Minh sớm giải quyết vụ án ly hôn giữa tôi và nguyên đơn là bà Huỳnh Tuyết B. Tôi cũng xin trình bày trong vụ ly hôn tôi xin không cấp dưỡng cho con Nguyễn Huỳnh Ánh K, sinh ngày 19/10/2021, lý do trong quá trình tôi học Đại học tốn nhiều chi phí, tôi phải vay mượn tiền để đi học, vì vậy tôi không thể cấp dưỡng cho con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa bà Huỳnh Tuyết B và ông Nguyễn Ý N được xác định là tranh chấp hôn nhân gia đình về việc ly hôn, tranh chấp về con chung và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông N.

[2] Về nội dung: Xét thấy, bà Huỳnh Tuyết B và ông Nguyễn Ý N tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định nên quan hệ hôn nhân của bà Huỳnh Tuyết B và ông Nguyễn Ý N là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống giữa vợ chồng bà Huỳnh Tuyết B và ông Nguyễn Ý N xảy ra mâu thuẫn, bà B yêu cầu được ly hôn với ông N; Đối với yêu cầu của bà B, ông N có ý kiến sớm giải quyết nhưng không tham gia hòa giải tại Tòa án, vắng mặt tại phiên tòa. Tại phiên tòa, bà B xác định vợ chồng đã không còn tình cảm, không còn chung sống cùng nhau và không thể tiếp tục chung sống cùng nhau, vẫn giữ yêu cầu ly hôn với ông N, điều này cho thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà B với ông N đã mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không có sự quan tâm lẫn nhau, đã không còn chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt, vì vậy, bà B yêu cầu ly hôn với ông N là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung tên Nguyễn Huỳnh Ánh K, sinh ngày 19/10/2021, hiện do bà B nuôi dưỡng, bà B có yêu cầu tiếp tục nuôi con, xét thấy con chung còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ và khi không còn chung sống với nhau thì con chung do bà

B nuôi nên để đảm bảo sự phát triển bình thường của con chung Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà B, giao con chung tên Nguyễn Huỳnh Ánh K, sinh ngày 19/10/2021 cho bà B tiếp tục nuôi dưỡng. Ông N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà B yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Ông N cho rằng ông đang đi học tốn kém nhiều tiền nên không đồng ý cấp dưỡng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân gia đình quy định "2. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con", xét thấy ông N không là người trực tiếp nuôi con, bà B có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên ông N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà B.Về mức cấp dưỡng, bà B yêu cầu cấp dưỡng theo quy định của pháp luật, xét ông N cho rằng đang đi học chưa có thu nhập ổn định nên chỉ xem xét buộc ông N thực hiện cấp dưỡng theo mức thu nhập bình quân của lao động phổ thông theo vùng, theo đó, buộc ông N cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Huỳnh Ánh K, sinh ngày 19/10/2021 cho bà Huỳnh Tuyết B mỗi tháng 2.000.000 đồng, cấp dưỡng hàng tháng, cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Kể từ ngày bà B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông N chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì ông N còn phải chịu tiền lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm bà Huỳnh Tuyết B phải chịu 300.000 đồng. Ông N phải chịu án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 110, 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Áp dụng khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Tuyết B được ly hôn với ông Nguyễn Ý N.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Huỳnh Ánh K, sinh ngày 19/10/2021 cho bà Huỳnh Tuyết B tiếp tục nuôi dưỡng. Ông N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Nghĩa vụ cấp dưỡng: Buộc ông Nguyễn Ý N cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Huỳnh Ánh K, sinh ngày 19/10/2021 cho bà Huỳnh Tuyết B mỗi tháng 2.000.000 (Hai triệu) đồng, cấp dưỡng hàng tháng, cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Kể từ ngày bà B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông N chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì ông N còn phải chịu tiền lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

- Án phí dân sự sơ thẩm bà Huỳnh Tuyết B phải chịu 300.000 đồng. Bà Huỳnh Tuyết B đã nộp tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006903 ngày 03/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U, tỉnh C chuyển thu án phí.

Ông Nguyễn Ý N phải chịu án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng (chưa nộp).

- Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh C
- VKSND huyện U;
- Chi cục THADS huyện U;
- Các đương sự;
- UBND nơi thực hiện đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Việt Hằng